TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2025/HC-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Đức Chiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 598/2025/TLPT-HC ngày 27/6/2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1346/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số F lô B, chung cư T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Ông Từ Thái H, sinh năm 1973. Địa chỉ: A Chung cư H Đ, G đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, Tây Ninh), có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, Tây Ninh), có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần Đ. Địa chỉ: Khu công nghiệp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ có: Ông Nguyễn Văn T1 – Chuyên viên Công ty điều hành khu công nghiệp H, có mặt.

3.2. Ban Quản lý dự án các công trình điện M, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Mai Thị Bích N và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà Mai Thị Bích N có diện tích 922m^2, loại đất lúa, tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện Đ (viết tắt UBND huyện Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2008.

Ngày 31/12/2013, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 21886/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Mai Thị Bích N tại thửa 242, tờ bản đồ số 4, diện tích 922m^2, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 26/4/2024, UBND huyện Đ có Quyết định số: 1673/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N số tiền 1.390.269.760 đồng.

Bà Mai Thị Bích N không đồng ý với Quyết định số: 1673/QĐ-UBND. Bởi vì UBND huyện Đ căn cứ vào Quyết định số: 3805/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh L áp giá bồi thường phần đất nêu trên là không phù hợp quy định pháp luật, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, do đó bà N đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ.

Ngày 23/9/2024, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 14987/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Mai Thị Bích N và giữ nguyên Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 21886/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Bích N; hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N; hủy Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N; Yêu cầu UBND huyện Đ ban hành quyết định bồi thường,

hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất căn cứ vào khung giá đất hiện hành năm 2024 đối với phần đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 922m^2, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Mai Thị Bích N có vị trí trong phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường đá xanh hơn 03 mét.

Tại Văn bản số 4026/UBND-TA ngày 11 tháng 3 năm 2025 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Bà Mai Thị Bích N yêu cầu hủy Quyết định số: 21886/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ vê việc thu hồi đất đôi với ông (bà) Mai Thị Bích N, đất tọa lạc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N là trái các quy định pháp luật. Cụ thể:

Căn cứ pháp lý Luật Đất đai năm 2013, cụ thể: Tại khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: "Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai".

Tại điểm a khoản 1, Điều 16 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: "Nhà nước quyết định thu hồi đất trong các trường hợp ... thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng"; tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: "Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng"; tại điểm a, khoản 2, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: "Thẩm quyền thu hồi đất. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư"; tại khoản 4, Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: "Thông báo thu hồi đất và chấp hành quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất".

Bà Mai Thị Bích N yêu cầu hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Mai Thị Bích N, số tiền 1.390.269.760 đồng (thay thế Quyết định số 6279/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND huyện Đ) là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì: Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định: về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như sau: "Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày".

Theo khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: UBND cấp huyện ban hành Quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp: "Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam".

Theo khoản 4, Điều 24 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An; có quy định: "Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng chủ sử dụng nhà đất cụ thể".

Ủy ban nhân dân tỉnh L có ban hành Quyết định số: 3805/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Khu công nghiệp N qua địa bàn xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ pháp lý trên phù hợp với khoản 2, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và có quy định: "Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".

Về giá đất, đã có quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất, cụ thể như sau: "Căn cứ nguyên tắc định giá đất quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai, phương pháp định giá đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể. Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án trên đã áp giá và thẩm định để trình UBND huyện Đ ban hành quyết định số: 1674/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Mai Thị Bích N số tiền 1.717.982.475 đồng (thay thế quyết định số: 6278/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND huyện Đ) là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Mai Thị Bích N: Ngày 04/6/2024, bà Mai Thị Bích N có đơn khiếu nại Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ.

Ngày 10/6//2024, UBND huyện Đ có Công văn số 8945/UBND-TCD về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân, có giao Thanh tra huyện kiểm tra nội dung đơn khiếu nại của bà Mai Thị Bích N, báo cáo đề xuất UBND huyện xem xét giải quyết theo quy định.

Ngày 12/7/2024, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 10918/TB-UBND về việc giao nhiệm vụ Thanh tra huyện Đ tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Bích N.

Ngày 26/8/2024, Thanh tra huyện có Báo cáo số 436/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11/9/2024, Chủ tịch UBND huyện Đ tiến hành đối thoại với bà Mai Thị Bích N.

Ngày 23/9/2024, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 14987/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Mai Thị Bích N là đúng theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và thẩm quyền giải quyết khiếu nại đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định hành chính trên đã giải quyết các nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Bích N theo đúng trình tự quy định và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, nên không có cơ sở để xem xét hủy bỏ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N không có cơ sở pháp lý xem xét chấp nhận.

Việc khởi kiện vụ án hành chính xuất phát từ việc khiếu nại đơn giá bồi thường quyền sử dụng đất thấp và yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 5.000.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, việc bồi thường và chính sách hỗ trợ đối với bà N đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N, giữ nguyên các quyết định hành chính của UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh) đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 144, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 75, Điều 79 của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N.

- Hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N.

- Hủy Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc bồi thường thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4 cho bà Mai Thị Bích N theo hiện trạng giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 21886/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Bích N ngày 31/12/2013; về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2025, Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N, giữ nguyên các quyết định hành chính của UBND huyện Đ và của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Mai Thị Bích N đề nghị bác kháng cáo của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan Công ty cổ phần Đ có ông Nguyễn Văn T1 – Chuyên viên Công ty điều hành khu công nghiệp H có ý kiến: Đối với phần

đất của bà N đã được xem xét giải quyết bồi thường một phần đất giáp với đường đá xanh. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định đủ diều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N là có căn cứ. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện bà Mai Thị Bích N khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N; Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N; Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc bồi thường thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4 cho bà Mai Thị Bích N theo hiện trạng có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3 mét.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, người bị kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Bà Mai Thị Bích N có diện tích đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 922m^2, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2008.

Ngày 26/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1673/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N.

Bà N khiếu nại cho rằng thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An của bà N đang quản lý, sử dụng có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét nhưng khi thu hồi thửa đất trên UBND huyện Đ không bồi thường thửa đất trên tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét là không đúng hiện trạng thực tế làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Còn người bị kiện UBND huyện Đ thì xác định: Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An của N đang quản lý, sử dụng có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3 mét nhưng đường đá xanh này người dân tự trải vào tháng 4/2024 để chống lầy, chống trơn trợt. UBND xã M không công nhận là đường giao thông có trải đá xanh nên không cập nhật vào bản đồ địa chính do Cơ quan Nhà nước quản lý cũng như bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Nên khi thu hồi thửa đất số 242 của bà N, UBND huyện Đ bồi thường thửa đất trên cho bà N có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 03 mét là đúng quy định.

Xét thấy: Ngoài thửa 242 của bà N tiếp giáp với đường đá xanh trên còn có các thửa đất 06, 07, 371, tờ bản đồ số 3 của bà Mai Thị G, khi UBND huyện Đ ban hành các quyết định bồi thường các thửa đất trên cho bà G có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 3 mét, bà G khiếu nại, trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND tỉnh L xác định: Mặc dù, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện các thửa đất của bà Mai Thị G có vị trí tiếp giáp với đường đất nhưng trên thực tế, năm 2012 các hộ dân trải đá xanh để phục vụ cho việc đi lại của các hộ dân do đó tại Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 31/3/2023 của UBND xã Đ xác định: Con đường này hình thành trước năm 1975 là đường đất và con đường này là đường liên xã Đ - Mỹ Hạnh N. Đến năm 2012, để đạt chuẩn xã nông thôn mới UBND xã Đ vận động nhân dân đá xanh hóa các đường giao thông nông thôn. Từ đó, UBND tỉnh L chấp nhận nội dung khiếu nại của bà G về yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo giá đường đá xanh lớn hơn 3m đối với các thửa đất số 06, 07, 371 cùng tờ bản đồ số 3. Theo họa đồ vị trí thực tế của các thửa đất dùng để giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị G (họa đồ này do UBND huyện Đ cung cấp kèm theo hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà G) có thể hiện thửa đất 242 của bà Mai Thị Bích N cũng tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 09/01/2025 đã xác định: Tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An là đất trồng lúa, hiện nay lúa đã thu hoạch, phía bắc của thửa đất tiếp giáp với con đường rộng khoảng hơn 03 mét, trên mặt đường được trải đá xanh. Hiện nay, thửa đất này do bà N đang quản lý, sử dụng.

Tại xác nhận của ông Huỳnh Văn D (nguyên Trưởng ấp M) có nội dung: Vào năm 2009, ông D có vận động nhân dân ấp Mới 2 trải đá xanh để thuận tiện cho người dân đi lại (Biên bản trên được UBND xã M xác nhận vào ngày 14/9/2023); Tại xác nhận của ông Ngô Văn S có nội dung: Vào khoảng những năm 2010 đến năm 2023 bà Đào Thị S1 ngụ tại ấp B, xã Đ có liên hệ với ông S mua vật liệu là đá đổ làm đường đoạn từ nhà bà S1 đến K, Khoảng 01 đến 02 năm đường xuống cấp hư hỏng bà S1 liên hệ ông S đổ dặm lại. Sau đó, bà S1 chết thì các con gái của bà S1 có liên hệ với ông S đổ một, hai lần (Xác nhận trên được Văn phòng C1 chứng thực vào ngày 02/5/2025).

Do đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N đối với thửa đất số 242 có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 3m là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Thị Bích N.

Bà N khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc giải quyết bác khiếu nại của bà Mai Thị Bích N là chưa đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Bích N, hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N; hủy Quyết định số: 14987QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N và Buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[4] Người bị kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có kháng cáo nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ.

Do đó, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N: Hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N; hủy Quyết định số: 14987QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N; Buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại Công văn số: 207/TANDTC-PC ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử vụ án hành chính có hướng dẫn: *"Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; điểm c khoản 2 Điều 194 Luật Tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử ...phải tuyên cụ thể hơn các nhiệm vụ, công vụ mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước phải thực hiện theo phần nhận định của bản án, gắn với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không được tuyên quá chi tiết những việc thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước"*.

Do đó, cần điều chỉnh lại cách tuyên tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm như sau: Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ tỉnh Long An cho bà Mai Thị Bích N

theo quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [4] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 21886/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Bích N ngày 31/12/2013; về chi phí thẩm định; về án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 144, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 75, Điều 79 của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N:

- Hủy Quyết định số: 1673/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Bích N.

- Hủy Quyết định số: 14987/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Bích N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Mai Thị Bích N theo

quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [4] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bích N.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh) phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0000515, 0000524 ngày 15/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). Người bị kiện đã nộp xong.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 21886/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Bích N ngày 31/12/2013; về chi phí thẩm định; về án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)